TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **591**/2019/QĐST-HNGĐ	Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 611/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Bùi Văn T - sinh năm 1985;

Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: 38/279 phố Đ, phường N, Quận B, Thành phố H.

- Chị Nguyễn Thị Thu B , sinh năm: 1989;

Đăng ký nhân khẩu thường trú 38/279 phố Đ, phường N, Quận B, Thành phố H.

Hiện ở : P1514, tòa B2, chung cư Ruby City 3, 321 Phố P, phường P, Quận L, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] – Về quan hệ hôn nhân : Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Thu B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số số 31/2010, quyển số 01, ngày 11/3/2010 tại Ủy ban nhân dân phường phường N, Quận B, Thành phố H. Từ

tháng 3/2018 vợ chồng sống ly thân, chị B về nhà bố mẹ đẻ ở tại P1514, tòa B2, chung cư Ruby City 3, 321 Phố Phúc Lợi, phường P, Quận L, thành phố H cho đến nay.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại: 38/279 phố Đ, phường N, Quận B, Thành phố H cho đến tháng 3/2018 vợ chồng sống ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Từ tháng 3/2018 nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung với nhau, không quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của anh chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Thu B .

[2] Về nuôi con chung : Anh T và chị B xác nhận có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Bình M (nữ) sinh ngày 02/09/2010. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu M cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ 1 tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu M trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

[4] Về nhà ở : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí ly hôn : Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa : Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Thu B.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Nguyễn Bình M (nữ) sinh ngày 02/09/2010 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- Về nhà ở : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- Về các vấn đề khác : Về nợ chung : Anh chị xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số AA/2017/0005948 ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình. Anh T đã nộp 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Ba Đình ;
- UBND phường phường N, Quận B, Thành phố H ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
NGÔ THỊ VÂN.